

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-02-2022
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Trung Du**

2. Ông **Huỳnh Văn Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Phương N**, sinh năm 1979 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt ngày 31 tháng 12 năm 2021)

Địa chỉ: ấp N, xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Lê Thị Bạch T**, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 4 năm 2021 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Phương N trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và chị Lê Thị Bạch T do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào ngày 10 tháng 01 năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh

Vĩnh Long vào ngày 01 tháng 12 năm 2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp N, xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc. Anh và chị T không còn sống chung từ tháng 9 năm 2009 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Lê Thị Bạch T.

- *Về con chung*: Có 01 người con chung tên Nguyễn Lê Tuyết Nh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2005 hiện đang sống với anh N. Sau khi ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn chị Lê Thị Bạch T:**

Chị Lê Thị Bạch T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện chị T không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị T cố tình không hợp tác.

*** Ý kiến của cháu Nguyễn Lê Tuyết Nh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2005 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: giấy chứng nhận kết hôn bản gốc, giấy khai sinh bản sao, bảng khai ý kiến của cháu tên Nguyễn Lê Tuyết Nh bản gốc, đơn xin vắng mặt, đơn xin xác nhận.

Bị đơn chị Lê Thị Bạch T không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên chị T không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Lê Thị Bạch T cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, chị T biết anh N yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án, ngày 31 tháng 12 năm 2021 anh Nguyễn Phương N có đơn xin vắng

mặt tại Toà án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N, chị T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Phương N và chị Lê Thị Bạch T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 01 tháng 12 năm 2005. Theo lời trình bày của anh N thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi vã mất hạnh phúc, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh N yêu cầu ly hôn với chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Anh Nguyễn Phương N yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Lê Tuyết Nh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2005 không yêu cầu chị Lê Thị Bạch T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Phương N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Phương N.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Phương N được ly hôn với chị Lê Thị Bạch T.

[2] Con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Tuyết Nh, sinh ngày 14 tháng 9 năm 2005 cho anh Nguyễn Phương N nuôi dưỡng. Anh N không yêu cầu chị Lê Thị Bạch T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Anh Nguyễn Phương N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Phương N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Nguyễn Phương N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰0009161 ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Huỳnh Văn Vui